

KHUNG KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HUYỆN TÂN UYÊN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của UBND huyện Tân Uyên)

| TT | 1. Mục tiêu | 2. Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4. Kết quả/Sản phẩm | 5. Chủ trì | 6. Phối hợp | 7. Thời gian hoàn thành | 8. Kinh phí thực hiện (dự kiến triệu đồng) |
|----------|--|--|---|---|---|--|-------------------------|--|
| I | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH (6 Mục tiêu; 10 nhiệm vụ; 10 Hoạt động) | | | | | | | 50 |
| 1 | Mục tiêu 1: Chỉ số CCHC (PAR INDEX) huyện Tân Uyên năm 2022 được tự chấm gửi Sở Nội vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng | Nhiệm vụ 1: Triển khai công tác chấm điểm Chỉ số PAR INDEX huyện Tân Uyên năm 2022 đảm bảo theo kế hoạch của Sở Nội vụ | Hoạt động 1: Tự chấm điểm, nhập dữ liệu và gửi Báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số PAR INDEX huyện Tân Uyên năm 2022 đảm bảo thời gian | Báo cáo tự chấm điểm | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch | Quý I | |
| | Mục tiêu 2: 10/10 xã, thị trấn được triển khai đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2022 | Nhiệm vụ 2: Triển khai đánh giá Chỉ số CCHC của các xã, thị trấn năm 2022 | Hoạt động 2: Thẩm định kết quả tự chấm điểm của các xã, thị trấn | Các văn bản triển khai hướng dẫn, đơn đốc | Phòng Nội vụ | Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC của huyện | Quý III | |
| | | Nhiệm vụ 3: Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ngành, huyện, thành phố | Hoạt động 3: Thực hiện điều tra xã hội học | Điền vào phiếu điều tra Quyết định công bố | Phòng Nội vụ | Bưu điện huyện, Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan | Quý I, II | |
| | | Nhiệm vụ 4: Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2022 của các xã, thị trấn | Hoạt động 4: Họp Hội đồng thẩm định, Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2022 của các xã, thị trấn | Giấy mời, Hội nghị, Quyết định công bố chỉ số | Phòng Nội vụ | Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC của huyện | Tháng 3/2023 | |
| 2 | Mục tiêu 3: Công tác tuyên truyền được thực hiện kịp thời, thường xuyên, sáng tạo | Nhiệm vụ 5: Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính | Hoạt động 5: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023 | Kế hoạch | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Tháng 01, 02/2023 | |
| | | Nhiệm vụ 6: Tuyên truyền cải cách hành chính trên Đài Phát thanh truyền hình, Cổng thông tin điện tử huyện | Hoạt động 6: Xây dựng các chuyên mục, tin, bài.. tuyên truyền về cải cách hành chính | Tin, bài, ảnh, phóng sự,..... | Phòng Nội vụ; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện | Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| | | Nhiệm vụ 7: Tham gia Hội thi tìm hiểu công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 | Hoạt động 7: Ban hành các văn bản và tham gia hội thi | Các tiết mục được trình diễn | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Quý III, IV | |
| 3 | Mục tiêu 4: Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước huyện Tân Uyên năm 2023 | Nhiệm vụ 8: Phối hợp điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đã giao dịch và nhận kết quả của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện | Hoạt động 8: Lập danh sách tổ chức người dân tham gia điều tra gửi Sở Nội vụ | Công khai Quyết định công bố của UBND tỉnh | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý III | |

| TT | 1. Mục tiêu | 2. Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4. Kết quả/Sản phẩm | 5. Chủ trì | 6. Phối hợp | 7. Thời gian hoàn thành | 8. Kinh phí thực hiện (dự kiến triệu đồng) |
|------------|--|---|--|---|--|--|-------------------------|--|
| 4 | Mục tiêu 5: Kế hoạch cải cách hành chính cụ thể hàng năm của huyện được xây dựng đảm bảo đầy đủ 06 nội dung, ban hành kịp thời trước ngày 20/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch | Nhiệm vụ 9: Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của huyện | Hoạt động 9: Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính huyện Tân Uyên | Kế hoạch của UBND huyện | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý IV | |
| 5 | Mục tiêu 6: Tối thiểu 30% (7/30 cơ quan, đơn vị) cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND cấp xã được kiểm tra cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ | Nhiệm vụ 10: Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ năm 2023 | Hoạt động 10: Ban hành Kế hoạch kiểm tra, Thông báo kiểm tra, tổ chức kiểm tra | Báo cáo kết quả kiểm tra, Thông báo kết luận kiểm tra | Các cơ quan trong đoàn kiểm tra | Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | Quý III, IV | |
| II | CẢI CÁCH THỂ CHẾ (01 Mục tiêu; 03 Nhiệm vụ; 07 Hoạt động) | | | | | | | 30 |
| 1 | Mục tiêu 1: Trên 95% các văn bản quy phạm pháp luật của huyện được ban hành đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương | | Hoạt động 1: Ban hành các văn bản QPPL trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương | Nghị quyết, Quyết định | Hội đồng nhân dân, UBND các cấp | Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| 2 | Mục tiêu 2: 100% các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | Nhiệm vụ 1: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; đảm bảo kịp thời; đúng trình tự thủ tục ban hành; phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương | Hoạt động 2: Định kỳ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã | Kế hoạch, Báo cáo về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật | Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND cấp xã | Phòng Tư pháp | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 3: Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền | Kế hoạch, Báo cáo về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | Phòng Tư pháp | Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND cấp xã | Trong năm | |
| 3 | Mục tiêu 3: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thi hành pháp luật | Nhiệm vụ 2: Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Nhiệm vụ 3: Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ; Nghị định 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ | Hoạt động 4: Tổ chức các Hội nghị phổ biến pháp luật; Đăng tải, công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử huyện, trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn | Kế hoạch, Báo cáo kết quả việc Phổ biến, giáo dục pháp luật | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Phòng Tư pháp | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 5: Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật | Kế hoạch, Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Phòng Tư pháp | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 6: Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật | | | | | |
| | | | Hoạt động 7: Phối hợp điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật | Phiếu điều tra khảo sát | | | | |
| III | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (4 Mục tiêu; 4 Nhiệm vụ; 4 Hoạt động) | | | | | | | 50 |

| TT | 1. Mục tiêu | 2. Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4. Kết quả/Sản phẩm | 5. Chủ trì | 6. Phối hợp | 7. Thời gian hoàn thành | 8. Kinh phí thực hiện (dự kiến triệu đồng) |
|-----------|---|---|---|--|----------------------------------|--|--|--|
| 1 | Mục tiêu 1: Số hóa tối thiểu 60% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp | Nhiệm vụ 1: Triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính | Hoạt động 1: Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp Công Dịch công – Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu kho và tái sử dụng | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Văn phòng HĐND và UBND huyện; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| 2 | Mục tiêu 2: Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên | Nhiệm vụ 2: Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện | Hoạt động 2: Thực hiện kế hoạch, tổ chức thực hiện và thực hiện kiểm thử thanh toán trực tuyến trên Công Dịch vụ, Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Công khai danh mục TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Văn phòng HĐND và UBND huyện | Trong năm | |
| 3 | Mục tiêu 3: Tăng tối thiểu 20% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Công dịch vụ công Quốc gia (so với năm 2022; Cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, trong đó cắt giảm thời gian tối thiểu 30% trở lên | Nhiệm vụ 3: Xây dựng Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch rà soát, đánh giá quy định, TTHC | Hoạt động 3: Hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC theo mẫu tại Phụ lục VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017; tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, cấu hình dịch vụ công toàn trình, dịch vụ công một phần | Công khai Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC; - Công khai Quyết định công bố danh mục DVC trực tuyến; - Báo cáo rà đánh giá TTHC; | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Văn phòng HĐND và UBND huyện; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| 4 | Mục tiêu 4: Đảm bảo 100% thủ tục hành chính được công bố, công khai niêm yết tại Bộ phận một cửa các cấp theo đúng quy định; đảm bảo hồ sơ giải quyết TTHC trả trước và đúng hạn đạt từ 99% trở lên; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đạt tối thiểu 85% trở lên | Nhiệm vụ 4: Công khai TTHC đúng quy định và thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo quy trình, hồ sơ, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết | Hoạt động 4: Thống kê, lập danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố; trích xuất danh mục, nội dung TTHC từ Công Dịch vụ Công, Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Công khai Quyết định công bố TTHC; Bảng niêm yết công khai và các hình thức công khai khác theo quy định; tỷ lệ hài lòng, tái sử dụng giấy tờ, truy xuất dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã | Văn phòng HĐND và UBND huyện; Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY (3 Mục tiêu; 3 Nhiệm vụ; 5 Hoạt động) | | | | | | | 50 |
| 1 | Mục tiêu 1: Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định của Trung ương | Nhiệm vụ 1: Đề nghị phê duyệt Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã | Hoạt động 1: Xây dựng đề án và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh | Tờ trình đề nghị phê duyệt Đề án | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh | |
| 2 | Mục tiêu 2: Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong tổ chức của hệ thống chính trị; giảm đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu | Nhiệm vụ 2: Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, địa phương, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính | Hoạt động 2: Tiếp tục triển khai rà soát, đề nghị sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, địa phương, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; | Kế hoạch, Quyết định | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh (nếu có) | |
| | | | Hoạt động 3: Tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy | Tờ trình phương án sắp xếp tinh gọn bộ máy | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh | |
| | | | Hoạt động 4: Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị | Quyết định UBND huyện | Cơ quan, đơn vị | Trong năm | | |
| 3 | Mục tiêu 3: Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng biên chế | Nhiệm vụ 3: Tiếp tục giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước | Hoạt động 5: Tham mưu ban hành Kế hoạch biên chế; Quyết định giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị | Kế hoạch, Quyết định | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |

| TT | 1. Mục tiêu | 2. Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4. Kết quả/Sản phẩm | 5. Chủ trì | 6. Phối hợp | 7. Thời gian hoàn thành | 8. Kinh phí thực hiện (dự kiến triệu đồng) |
|----|--|--|---|---|--|--|---|--|
| V | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ (1 Mục tiêu; 4 Nhiệm vụ; 8 Hoạt động) | | | | | | | 300 |
| 1 | Mục tiêu 1: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định | Nhiệm vụ 1: Đề nghị ban hành quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập | Hoạt động 1: Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập | Tờ trình, Đề án | Phòng Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị | Sau khi có hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh | |
| | | | Hoạt động 2: Trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính; vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập | Tờ trình; Quyết định của UBND tỉnh | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị có liên quan | | |
| | | Nhiệm vụ 2: Thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước | Hoạt động 3: Thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. | Hồ sơ bổ nhiệm | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Sau khi có hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh | |
| | | Nhiệm vụ 3: Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với cơ cấu và vị trí việc làm; thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức | Hoạt động 4: Ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức, Đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đề nghị tuyển dụng công chức huyện. Đề nghị nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Kế hoạch; Quyết định; Tờ trình, hồ sơ đề nghị | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| | | Nhiệm vụ 4: Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm, trình độ và năng lực trong thi hành công vụ. | Hoạt động 5: Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm | Kế hoạch | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 6: Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | Tờ trình của UBND huyện, Quyết định của UBND tỉnh | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 7: Xây dựng nội dung, chương trình, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức nói chung, cán bộ lãnh đạo người dân tộc thiểu số nói riêng | Quyết định mở lớp | Phòng Nội vụ; Trung tâm Chính trị huyện | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên | |
| | | Hoạt động 8: Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan liên quan cử cán bộ, công chức viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh | Quyết định cử đi học | Phòng Nội vụ | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh | | |
| VI | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG (2 Mục tiêu; 2 Nhiệm vụ; 3 Hoạt động) | | | | | | | 503,411 |

| TT | 1. Mục tiêu | 2. Nhiệm vụ | 3. Hoạt động | 4. Kết quả/Sản phẩm | 5. Chủ trì | 6. Phối hợp | 7. Thời gian hoàn thành | 8. Kinh phí thực hiện (dự kiến triệu đồng) |
|------------|---|--|--|--|------------------------------|--|-------------------------|--|
| 1 | Mục tiêu 1: Triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập | Nhiệm vụ 1: Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập | Hoạt động 1: Trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết xây dựng chính sách theo chương trình công tác của UBND huyện | Nghị Quyết của HĐND | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| | | | Hoạt động 2: Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đối với đơn vị quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn (Theo kế hoạch được phê duyệt) | Nghị Quyết định của HĐND | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| 2 | Mục tiêu 2: Thực hiện đảm bảo, đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công | Nhiệm vụ 2: Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí | Hoạt động 3: Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công | Quyết định, Báo cáo kết quả kiểm tra, Thông báo kết luận kiểm tra | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| VII | XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ (2 Mục tiêu; 4 Nhiệm vụ; 4 Hoạt động) | | | | | | | 200 |
| 1 | Mục tiêu 1: Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu. | Nhiệm vụ 1: Thực hiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) | Hoạt động 1: Thực hiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP) | Các kết nối của các hệ thống của huyện với tỉnh và bộ ngành thông qua hệ thống (LGSP) | Phòng Văn hóa và Thông tin | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| 2 | Mục tiêu 2: Triển khai, thực hiện các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước | Nhiệm vụ 3: Vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành năm 2023 | Hoạt động 3: Vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn toàn tỉnh | Hệ thống quản lý văn bản điều hành đảm bảo gửi nhận 100% văn bản điện tử trong cơ quan | Văn phòng HĐND và UBND huyện | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |
| | | Nhiệm vụ 4: Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Lai Châu năm 2023 | Hoạt động 4: Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh | Hệ thống báo cáo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Văn phòng HĐND và UBND huyện | Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn | Trong năm | |